ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: ĐỊA LÍ 12

I. DẠNG THỨC 1: Trắc nghiệm khách quan từ câu 1 đến câu 18 (học sinh lựa chọn một đáp án đúng nhất)

Câu 1. Phía tây nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?
A. Lào và Thái Lan. **B.** Campuchia và Trung Quốc.
C. Lào và Campuchia. **D.** Lào và Trung Quốc.

Câu 2. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi
A. vị trí trong vùng nội chí tuyến. **B.** địa hình nước ta thấp dần ra biển.
C. hoạt động của gió phơn Tây Nam. **D.** địa hình nước ta nhiều đồi núi.

Câu 3. Do tác động của gió mùa Đông Bắc nên nửa đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết
A. lạnh, ẩm. **B.** ấm, ẩm. **C.** lạnh, khô. **D.** ấm, khô.

Câu 4. Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng chủ yếu do
A. quá trình tích tụ mùn mạnh. **B.** rửa trôi các chất badơ dễ tan.
C. tỉ lệ ôxit sắt và ôxit nhôm cao. **D.** quá trình phong hóa mạnh mẽ.

Câu 5. Biểu hiện tính nhiệt đới ẩm gió mùa qua sông ngòi nước ta là
A. sông nhiều nước và lên xuống thất thường.
B. mật độ sông lớn; sông nhiều nước, nhiều phù sa và có sự phân mùa.
C. mật độ sông dày đặc, độ dốc lòng sông lớn, dòng chảy xiết.
D. nhiều sông lớn, chế độ nước khá điều hoà trong năm.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây **không** phải là đặc điểm của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta?
A. Trong năm có một mùa đông lạnh. **B.** Thời tiết thường diễn biến phức tạp.
C. Có một mùa khô sâu sắc kéo dài. **D.** Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

Câu 7. Sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao ở nước ta biểu hiện rõ qua các thành phần
A. khí hậu, đất đai, sinh vật. **B.** sông ngòi, đất đai, khí hậu.
C. sinh vật, đất đai, sông ngòi. **D.** khí hậu, sinh vật, sông ngòi.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tài nguyên rừng của nước ta?
A. Tổng diện tích rừng đang tăng lên. **B.** Tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái.
C. Diện tích rừng giàu chiếm tỉ lệ lớn. **D.** Chất lượng rừng chưa thể phục hồi.

Câu 9. Biện pháp nào sau đây được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta?
A. Làm ruộng bậc thang. **B.** Chống nhiễm mặn. **C.** Trồng cây theo băng. **D.** Đào hố kiểu vảy cá.

Câu 10. Đô thị ở nước ta hiện nay
A. có lực lượng lao động dồi dào. **B.** chất lượng cuộc sống thấp.
C. tập trung chủ yếu ở miền núi. **D.** đều cùng một cấp phân loại.

Câu 11. Vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?
A. Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Đông Nam Bộ.

Câu 12. Tình trạng thiếu việc làm ở khu vực nông thôn nước ta vẫn còn gay gắt do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?
A. Lao động có kĩ thuật cao chiếm tỉ lệ thấp.
B. Tình trạng di cư từ nông thôn ra thành thị.
C. Sản xuất nông nghiệp mang tính mùa vụ cao.
D. Sản xuất nông nghiệp mang tính tự túc, tự cấp.

Câu 13. Câu 13: Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông Tây giữa hai khu vực Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do
A. độ cao địa hình và hướng các dãy núi. **B.** độ cao địa hình và ảnh hưởng của biển.
C. ảnh hưởng của biển và lớp phủ thực vật. **D.** tác động của gió mùa và hướng các dãy núi.

Câu 14. Biên độ nhiệt năm ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ cao hơn ở miền Nam Trung Bộ và Nam bộ chủ yếu do
A. gần chí tuyến, có gió Tín phong. **B.** có mùa đông lạnh, địa hình thấp.
C. có gió phơn Tây Nam, địa hình cao. **D.** gần chí tuyến, có mùa đông lạnh.

Câu 15. Sinh vật nước ta đa dạng là kết quả tác động của các nhân tố chủ yếu là
A. đất đai phong phú, tác động của con người lại tạo và thay đổi sự phân bố.

B. khí hậu phân hoá, con người lai tạo giống, vị trí trung tâm Đông Nam Á.
C. địa hình phần lớn đồi núi, vị trí giáp biển, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
D. vị trí nơi gặp gỡ của các luồng di cư, địa hình, khí hậu, đất đai phân hoá.

Câu 16. Đai Ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ vì?
A. Có địa hình núi cao đồ sộ nhất nước ta.
B. Là miền duy nhất có địa hình cao trên 2600m.
C. Có địa hình phần lớn là đồi núi.
D. Có mùa đông lạnh nhất nước ta.

Câu 17. . Vùng núi và cao nguyên nước ta có dân cư thưa thớt chủ yếu là do
A. nhiều khoáng sản còn dưới dạng tiềm năng, khai thác rất khó khăn.
B. có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời hơn so với các vùng đồng bằng.
C. giao thông khó khăn, kinh tế chậm phát triển, trình độ dân trí thấp.
D. quá trình đô thị hóa diễn ra chậm, ít các thành phố lớn và đông dân.

Câu 18. Việc nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho người lao động nước ta có ý nghĩa chính là
A. giúp phân bố dân cư hợp lí giữa các vùng miền.
B. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.
C. tăng nguồn vốn cho đầu tư, tái tạo sức lao động.
D. đẩy nhanh quá trình phân công lao động xã hội.

II. DẠNG THỨC 2: Trắc nghiệm đúng sai (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), **d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1. Cho thông tin sau:
Phần đất liền, phạm vi lãnh thổ Việt Nam được xác định bởi các điểm cực: cực Bắc ở khoảng vĩ độ $23^0$23'B; điểm cực Nam ở khoảng vĩ độ $8^0$34'B; điểm cực Tây ở khoảng vĩ độ $102^0$09'Đ; điểm cực Đông ở khoảng vĩ độ $109^0$28'Đ. Nước ta tiếp giáp với các nước láng giềng với Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia và có chung Biển Đông với nhiều quốc gia.
a) Biên giới trên đất liền nước ta tiếp giáp với ba quốc gia.
b) Nước ta có chung Biển Đông với Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia.
c) Việt Nam nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu.
d) Thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tại một số trạm khí tượng ở nước ta

(Đơn vị: ºC)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất	Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất	Nhiệt độ trung bình năm
Hà Nội	16,6	29,4	23,9
Huế	19,9	29,3	25,1
Quy Nhơn	23,3	30,0	27,1
Kiên Giang (Rạch Giá)	25,8	28,9	27,5

(Nguồn: Quy chuẩn kĩ thuật quốc gia số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng QCVN 02:2022/BXD)
a) Nhiệt độ trung bình năm của các địa điểm trên đều lớn hơn 20°C.
b) Biên độ nhiệt trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.
c) Nền nhiệt độ thuận lợi cho sản xuất các sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới.
d) Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu chủ yếu do vị trí địa lí, địa hình và gió.

Câu 3. Cho thông tin sau:
"… Nền nhiệt cao, nhiệt độ trung bình năm trên 20^0C (trừ những vùng núi cao), trong đó miền Nam thường có nhiệt độ trung bình cao hơn miền Bắc. Hằng năm, nước ta nhận được nhận được lượng bức xạ Mặt Trời lớn; tổng số giờ nắng dao động tùy nơi, trung bình từ 1300 đến 3000 giờ/năm".
a) Nhiệt độ trung bình năm của miền Bắc cao hơn miền Nam (Sai).
b) Khí hậu mang tính chất nhiệt đới.
c) Nước ta nhận được nhận được lượng bức xạ Mặt Trời lớn là do phần lớn lãnh thổ nằm gần Xích đạo.
d) Nền nhiệt cao là do nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến, có góc nhập xạ lớn.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Số dân và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021

Năm	2015	2017	2018	2019	2020	2021

Dân số *(triệu người)*	91,71	93,67	94,67	96,48	97,58	98,51
Tỉ lệ gia tăng dân số *(%)*	1,12	1,11	1,17	1,15	1,14	0,95

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)

a) Dân số nước ta tăng liên tục qua các năm.

b) Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta có xu hướng giảm.

c) Dân số nước ta năm 2021 tăng gấp 1,6 lần so với năm 2015.

d) Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta có xu hướng giảm là do thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.

III. DẠNG THỨC 3: Câu hỏi yêu cầu trả lời ngắn (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6)

Câu 1. Cho bảng số liệu: **Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm tại Hà Nội năm 2021**

(Đơn vị: ^0C)

Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Nhiệt độ	16,9	20,9	22,5	25,6	29,7	31,6	30,8	30,5	28,7	24,6	22,5	19,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết nhiệt độ trung bình năm tại Hà Nội năm 2021 *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của ^0C)*

Câu 2. Cho bảng số liệu: **Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm của trạm khí tượng Huế**

(Đơn vị: ^0C)

Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Nhiệt độ	18,2	21,1	24,3	26,8	29,4	30,6	30,0	30,5	27,2	25,5	22,8	20,4

(Nguồn: Niên giám thống kê, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết biên độ nhiệt độ của Huế *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của ^0C)*

Câu 3. Cho bảng số liệu: **Số giờ nắng các tháng tại Hà Nội năm 2021**

(Đơn vị: giờ)

Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Số giờ nắng	79,2	76,0	22,6	71,6	197,4	169,8	207,3	163,4	134,8	188,0	98,7	106,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2021, NXB thống kê Việt Nam, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên tính tổng số giờ nắng của Hà Nội năm 2021. *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của giờ).*

Câu 4. Cho bảng số liệu: **Nhiệt độ trung bình năm của Hà Đông (Hà Nội) và Vũng Tàu**

(Đơn vị: ^0C)

Địa điểm	**Nhiệt độ trung bình năm**
Hà Đông	23,7
Vũng Tàu	27,1

(Nguồn: Niêm giám thống kê năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết Vũng Tàu và Hà Đông có chênh lệch nhiệt độ trung bình năm là bao nhiêu ^0C? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của ^0C)*

Câu 5. Cho bảng số liệu: **Quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta, giai đoạn 1999 - 2021**

Năm	**1999**	**2009**	**2019**	**2021**
Quy mô dân số *(triệu người)*	76,5	86,0	96,5	98,5
Tỉ lệ gia tăng dân số *(%)*	1,51	1,06	1,15	0,94

(Nguồn : Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999,2009,2019; Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Cho biết trung bình mỗi năm trong giai đoạn 1999 - 2021, dân số nước ta tăng thêm được bao nhiêu triệu người? *(làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của triệu người)*

Câu 6. Theo Niên giám thống kê năm 2022 (NXB Thống kê), quy mô dân số vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung là 20661,7 nghìn người; diện tích là 95847,9 km^2. Vậy mật độ dân số của vùng là bao nhiêu người/km^2?

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN I: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Đáp án											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	A	C	C	B	C	A	C	B	A	A	C
13	14	15	16	17	18						
D	D	D	B	C	D						

PHẦN II: Trắc nghiệm đúng sai

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a)D-b)S-c)D-d)D	a)D-b)S-c)D-d)D	a)S-b)D-c)S-d)D	a)D-b)S-c)S-d)S

PHẦN III: Trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
25,3	12,4	1515	3,4	1,0	216